

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành mức hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện
giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết số
30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH KONTUM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân số 31/2004/QH11 ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ Về
Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

Căn cứ Quyết định số 2621/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính
phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số mức hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại
Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Liên ngành: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở
Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 237/TTr-LN ngày 08/10/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành định mức hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại Quyết
định số 2621/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ
sung một số mức hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-
CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Đối tượng, phạm vi áp dụng: Cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân
đang sinh sống và có hộ khẩu thường trú tại huyện Tu Mơ Rông và huyện Kon
Plông tỉnh Kon Tum.

2. Mức hỗ trợ cụ thể:

a. Hỗ trợ bảo vệ rừng, phát triển rừng và sản xuất nông lâm kết hợp

- Đối với những diện tích đất lâm nghiệp quy hoạch rừng phòng hộ đã giao
ôn định lâu dài cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nếu tự nguyện tham gia
trồng rừng được hỗ trợ với mức là 15 triệu đồng/ha để trồng rừng, chăm sóc rừng
trồng các năm tiếp theo và được hưởng lợi từ rừng theo quy định hiện hành.

- Hỗ trợ một lần hộ gia đình được giao đất trồng rừng sản xuất với mức hỗ
trợ là 10 triệu đồng/ha (bao gồm: hỗ trợ mua cây giống, mua phân bón, hỗ trợ một
phần chi phí nhân công trồng rừng).

b. Hỗ trợ chuyển đổi cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế theo quy hoạch:

- Hỗ trợ từ một đến hai lần tiền mua giống gia cầm hoặc một lần tiền mua giống gia súc: Tổng mức hỗ trợ là 10 triệu đồng/hộ/giai đoạn dự án.

- Hỗ trợ một lần tiền mua cây giống và hỗ trợ ba năm tiền mua phân bón để chuyển từ trồng cây hàng năm sang trồng cây lâu năm (chè, cà phê, ca cao, hồ tiêu, điều, cao su, cây ăn quả...); cây nguyên liệu sinh học: mức hỗ trợ tối đa là 10 triệu đồng/hộ/giai đoạn dự án.

- Hỗ trợ tiền mua cây giống và phân bón cho ba vụ sản xuất liên tiếp để chuyển đổi cơ cấu giống đối với cây ngắn ngày, bao gồm: Cây lương thực, cây thực phẩm, cây hoa các loại; mức hỗ trợ tối đa là 10 triệu đồng/hộ/giai đoạn dự án.

(Có danh mục một số loại cây trồng, vật nuôi chính kèm theo)

3. Các nội dung không quy định tại Quyết định này, thực hiện theo Quyết định số 2621/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số mức hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ và các văn bản khác có liên quan.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị liên quan hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Kon Plông, Tu Mơ Rông; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VB QPPL);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Vụ Pháp chế);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế - HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Báo Kon Tum; Đài PTTH tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTN5, 2, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hùng

DANH MỤC
MỘT SỐ LOẠI CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI CHÍNH CỦA DỰ ÁN HỖ TRỢ
PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THEO NGHỊ QUYẾT 30a/2008/NQ-CP
(Ban hành kèm theo Quyết định số 68 /2014/QĐ-UBND ngày 02/12/2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	Danh mục	Ghi chú
A	Giống cây trồng	
I	Nhóm cây lương thực	
1	Cây Lúa (<i>Lúa thuần, Lúa lai, Lúa cạn, Lúa chất lượng cao</i>)	
2	Cây Ngô	
3	Cây Sắn cao sản (Mỳ cao sản)	
4	Khoai lang Nhật	
II	Nhóm cây công nghiệp	
1	Cây Cao su	
2	Cây Cà phê	
3	Cây Ca cao	
4	Cây Chè	
5	Cây Tre lấy măng	
6	Cây Mía	
7	Cây Lạc (Đậu phụng)	
8	Cây Đậu xanh	
9	Cây Đậu tương	
III	Nhóm cây lâm nghiệp	
1	Cây Bời lời đỏ	
2	Cây Hồng (pôlôvia)	
3	Cây Xoan ta	
4	Cây Keo	
5	Cây Bạch đàn	
6	Cây Xà cừ	
7	Cây Huỳnh đàn đỏ	
8	Cây Song mây	
9	Cây Sao xanh	
10	Cây Hương	
11	Cây Trắc	
IV	Nhóm cây ăn quả	
1	Cây Sầu riêng	
2	Cây Chôm chôm Thái	
3	Cây Xoài cát	
4	Cây Cam sành	



lde

TT	Danh mục	Ghi chú
5	Cây Bưởi	
6	Cây Quýt	
7	Cây Chanh	
8	Cây Ôi xá lý	
9	Cây Mít Mã lai	
10	Cây Dứa	Trồng xen canh
11	Cây Nhãn lông	
12	Cây Vải thiều	
13	Cây Hồng	
V	Nhóm cây dược liệu	
1	Cây Sa nhân	
2	Cây Vối thuốc	
3	Cây Thảo quả	
4	Cây Gió bầu	
5	Cây Hồng đẳng sâm	
6	Cây Đinh lăng	
7	Cây Sâm dây	
8	Cây Sâm Ngọc Linh	
B	Giống vật nuôi	
I	Giống gia súc	
1	Con Trâu	
2	Con Bò	
3	Con Heo (cả heo rừng)	
4	Con Dê	
5	Con Nhím	
6	Con Nai	
II	Giống gia cầm	
1	Con Ngan pháp	
2	Con Gà	
3	Con Vịt	
4	Con Đà điểu	
III	Giống thủy sản	
1	Cá nước ngọt	
2	Con Ba ba	
3	Cá Tầm	
4	Cá Hồi	

(Tùy theo tình hình, các địa phương có thể bổ sung loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao phù hợp thực tế tại địa phương)